

Số: 1274 /BC - TCS

Cẩm Phả, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

Tên tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỌC SÁU - VINACOMIN**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Giấy chứng nhận ĐKKD số 5700101002 cấp lần thứ 7 ngày 05/12/2019 và Giấy xác nhận nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/05/2021.

Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng; Mã cổ phiếu : TC6

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862062. Fax: 0203.3863936. Website:Cocsau.com

Vùng than Cọc Sáu trước ngày Chính phủ ta tiếp quản (25/04/1955) là một công trường khai thác than thủ công thuộc mỏ than Cẩm Phả. Sau khi tiếp quản được đặt tên là công trường Cọc Sáu thuộc xí nghiệp than Cẩm Phả. Khai thác than chủ yếu bằng thủ công mai, cuốc, xà beng... ở phía Tây và phía Bắc. Công trường Cọc Sáu ngày tiếp quản có 02 công trường như công trường Tả Hữu Ngạn và công trường Y.

Đến năm 1957 thành lập thêm công trường H

Đến năm 1958 thành lập tiếp công trường Bắc Phi (Bắc Cọc Sáu)

Đến năm 1959 thành lập công trường Thắng Lợi

Đến đầu năm 1960, công trường Cọc Sáu đã có tổng số 1811 người (1283 nam và 528 nữ), trong đó có 442 người Hoa, 184 Đảng viên, 230 đoàn viên thanh niên.

Tháng 3 năm 1960, Chính phủ có quyết định giải thể xí nghiệp quốc doanh than Cẩm Phả, thành lập Công ty Than Hòn Gai. Thực hiện quyết định số 707 BCN-KB2 của Thủ tướng Chính phủ thành lập xí nghiệp Than Cọc Sáu từ ngày 01/08/1960 (gọi tắt là mỏ Cọc Sáu), là xí nghiệp khai thác than lộ thiên trực thuộc Công ty Than Hòn Gai, diện tích đất đai được giao quản lý trên 16km<sup>2</sup>, lực lượng lao động lúc mới thành lập khoảng 2.000 người, trong đó lực lượng nòng cốt gồm bộ đội và thanh niên xung phong chuyên ngành được bổ sung về xây dựng khu mỏ.

Đến năm 1996, mỏ than Than Cọc Sáu trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 2600/QĐ-TCCB ngày 17/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam.

Tháng 9/2001, xí nghiệp Than Cọc Sáu chính thức đổi tên thành Công ty Than Cọc Sáu.

Theo quyết định số 487/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Cọc Sáu. Công ty Than Cọc Sáu đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần nhà nước năm giữ cổ phần chi phối 51%. Kể từ ngày 02/01/2007 với tên gọi mới là





“Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - TKV” theo giấy phép kinh doanh số 2203000745 do sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp với mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2011 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 129.986.940.000 đồng. Từ ngày 28/6/2016 Công ty tăng vốn điều lệ là 324.961.050.000 đồng. Từ ngày 28/2/2019 Công ty Nhà Nước nắm cổ phần chi phối 65%.

Từ ngày 17/8/2016 đến nay đổi tên thành công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002

## 2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác và thu gom than cứng

## 3. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc, điều hành 05 người gồm 01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng
- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:

- Cơ cấu bộ máy quản lý các phòng ban:

- |                                 |   |
|---------------------------------|---|
| 01 - Phòng kỹ thuật khai thác   | 08 - Phòng Kế toán - thống kê - tài chính |
| 02 - Phòng Trắc địa địa chất    | 09 - Phòng Tổ chức - LĐ                   |
| 03 - Phòng Giám định chất lượng | 10 - Phòng Kế hoạch                       |
| 04 - Phòng điều khiển sản xuất  | 11- Phòng Đầu tư Môi trường               |
| 05 - Phòng An toàn              | 12 - Phòng Thanh tra Bảo vệ - Kiểm toán   |
| 06 - Phòng Cơ điện vận tải      | 13 - Văn phòng                            |
| 07 - Phòng Quản lý vật tư       | 14- Khối dân đảng                         |

- Các công trường, Phân xưởng:

- |                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 01- Công trường Khoan         | 08- Phân xưởng vận tải ô tô 6 |
| 02- Công trường Xúc tả ngắn   | 09- Phân xưởng cơ điện        |
| 03- Công trường Xúc thắng lợi | 10- Phân xưởng Sửa chữa       |
| 04- Phân xưởng vận tải ô tô 1 | 11- Công trường Gạt làm đường |
| 05- Phân xưởng vận tải ô tô 2 | 12- Phân xưởng Trạm mạng      |
| 06- Phân xưởng vận tải ô tô 3 | 13- Công trường Băng sàng     |
| 07- Phân xưởng vận tải ô tô 5 |                               |

## 4. Định hướng phát triển

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau: Phần đầu xây dựng Công ty trở thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phần đầu xây dựng Công ty Cổ Phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Công ty với Tập đoàn, cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng phương án và thực hiện kế



hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021. Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trong những tháng đầu năm tăng cường bóc xúc, mở diện khai thác đồng thời tập trung tối đa phục vụ công tác hạ móng đảm bảo sản lượng và tiến độ theo kế hoạch đặt ra.

## 5. Các rủi ro

Năm 2021 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác mỏ đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD: Điều kiện khai thác Công ty rất khó khăn, đáy móng tiếp tục xuống sâu hơn (năm 2021 Công ty tập trung khai thác, giảm tải ở mức từ -170 đến -300m và trong giai đoạn kết thúc dự án khai thác lộ thiên); bờ mỏ một số khu vực không ổn định, độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn, địa chất phức tạp, tài nguyên khó khăn; thời tiết diễn biến bất thường, cả năm có 126 ngày mưa = 2.602 mm, riêng quý III mưa nhiều với 59 ngày mưa = vũ lượng 1.874 mm (đặc biệt 02 đợt mưa với vũ lượng và cường độ rất lớn vào ngày 14/9 mưa 254 mm; ngày 24/9 trong khoảng 3,5 h từ 8h30 -:- 12h00 mưa 300 mm) đã ảnh hưởng nặng nề đến khai trường sản xuất và ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch khai thác than; tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; thiết bị chủ yếu ở cuối chu kỳ khấu hao (thiết bị vận tải loại C chiếm trên 70%); giá cả nhiều loại vật tư, nhiên liệu tăng cao; phát sinh các yếu tố công nghệ, tăng chi phí sản xuất đã làm ảnh hưởng đến doanh thu và cân đối tài chính của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã nỗ lực, phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, kỷ luật và đồng tâm, thực hiện hoàn thành “nhiệm vụ kép” vừa phòng chống dịch Covid-19 và cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn vốn.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2021				
			KẾ HOẠCH ĐẦU NĂM	KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KH ĐẦU NĂM	KHĐC
1	Đất đá bóc xúc	M <sup>3</sup>	22.420.000	19.400.000	19.399.939	86,5	100,0
2	Than sản xuất	Tấn	3.000.000	2.752.000	2.754.972	91,8	100,1
a	Than khai thác bóc vỉa	Tấn	1.900.000	1.652.000	1.652.256	86,9	100,0
b	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	1.100.000	1.100.000	1.102.715	100,2	100,2
3	Hệ số bóc đất sản xuất	M <sup>3</sup> /tấn	11,80	11,74	11,74	99,5	100,0
4	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	2.980.000	2.511.000	2.510.724	84,2	100,0
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.859.337	2.660.154	2.678.585	93,6	100,7
-	<i>Trong đó: D.thu than</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>2.856.337</i>	<i>2.657.154</i>	<i>2.661.689</i>	<i>93,2</i>	<i>100,2</i>
6	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đ	48.476	59.382	53.711	110,8	90,45
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	22.909	71.575	48.936	213,6	68,3
8	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/tháng	9.622	9.376	8.915	92,7	95,1

### 2. Tổ chức và nhân sự.

#### 2.1. Danh sách ban điều hành

\* Ông: PHẠM CÔNG HƯƠNG - CHỦ TỊCH HĐQT

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 18 tháng 6 năm 1962



- Nơi sinh: Ngô Quyền - Thanh Miện - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ngô Quyền - Thanh Miện - Hải Dương
- Số chứng minh thư nhân dân: 013376754
- Địa chỉ thường trú: 88 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0912 053 520
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 21.122.469 cổ phần, trong đó:
  - + Sở hữu các nhân:                                      0 cổ phần – chiếm 0 %
  - + Đại diện phần vốn Nhà Nước: 21.122.469 cổ phần – chiếm 65% CP

**\* Ông : NGUYỄN VĂN THUẬN – THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 3 năm 1970
- Nơi sinh: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Số chứng minh thư nhân dân : 100999256
- Địa chỉ thường trú: Tổ 32 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: KS Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.392 cổ phần

**\* Ông : NGUYỄN VĂN TƯ - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 22 tháng 02 năm 1964
- Nơi sinh: Xã Lê Lợi – Huyện An Dương – Thành Phố Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lê Lợi – Huyện An Dương – Thành Phố Hải Phòng
- Thẻ căn cước công dân: 031064004605 cấp ngày 23/01/2018
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14, khu 3, Phường Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính, Kỹ sư kinh tế

**\* Ông : NGUYỄN TẤN LONG – THÀNH VIÊN HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 11 năm 1967
- Nơi sinh: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Số chứng minh thư nhân dân : 100 544 976
- Địa chỉ thường trú: Tổ 107A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần



**\* Ông : ĐINH THÁI BÌNH - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 11 tháng 06 năm 1976
- Nơi sinh: Cẩm phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh      022076000154
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 – Khu Cao Sơn 2 - Cẩm Sơn - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0974.191.996
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 580 cổ phần

**\* Ông : TRẦN SƠN HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 01 tháng 10 năm 1969
- Nơi sinh: Cửa ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Hà
- Số chứng minh thư nhân dân : 100449595
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.507 cổ phần

**\* Ông : VŨ VĂN HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC (đến ngày 01/5/2021)**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 1 năm 1961
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quang Sơn Phú Xuyên Ninh Bình
- Số chứng minh thư nhân dân : 100710815
- Địa chỉ thường trú: Tổ 47 Cẩm Thành Cẩm Phả Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.785 cổ phần

**\* Ông : PHẠM THANH PHƯƠNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 7 năm 1974
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam      Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Phong - Gia Viễn - Ninh Bình
- Số chứng minh thư (thẻ căn cước): 022074003171 cấp ngày 23/5/2019
- Địa chỉ thường trú: Tổ 34 - Khu 3 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kế toán, Kỹ sư Kinh tế & QTKD.
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 5.200 cổ phần

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành**





Trong năm 2021 Công ty đã có Ông Vũ Văn Hùng nghỉ chế độ hưu trí kể từ ngày 01/5/2021.

### 2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên

Số lượng CBCNV có đến ngày 31/12/2021 là 2.219 người.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty lập, thẩm định, phê duyệt các dự án theo quy định của Nhà Nước ban hành. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2021: 53.711 triệu đồng.

### 4. Tình hình tài chính:

#### a) Tình hình tài chính

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.790.082.336.109	1.708.219.916.173
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	2.675.815.388.106	3.124.086.175.224
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.273.269.912	6.124.283.993
4	Lợi nhuận khác	662.917.420	1.070.509.115
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.936.187.332	7.212.793.108
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	37.609.205.512	7.212.793.108

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,65	0,54
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	Lần	3,86	4,05
3	Vòng quay vốn lưu động (DDT/VLĐ)	Lần	4,12	4,45
4	Vòng quay hàng tồn kho (DTT/HTK)	Lần	6,02	8,43
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,50	2,21
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	2,15	0,39

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.496.105 cổ phần phổ thông, với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

#### b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn: Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 21.122.469 cổ phần chiếm 65,%;
- Các cổ đông khác: 11.373.636 cổ phiếu chiếm 35%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không;

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không;

e) **Các chứng khoán khác:** Không.

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 424.033 triệu đồng



**6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:**

- Nhiên liệu: 533.622 triệu đồng
- Động lực: 50.195 triệu đồng

**6.3. Tiêu thụ nước:**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty hợp đồng mua nước với Công ty Nước sạch Quảng Ninh, trong năm lượng nước Công ty sử dụng: 11.052 m<sup>3</sup>

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm công ty đã nộp 37.506 triệu đồng tiền phí bảo vệ môi trường.

Công ty luôn thực hiện tuân thủ Luật pháp và các quy định về môi trường, không để xảy ra vi phạm.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động bình quân trong năm: 2.272 người

- Tiền lương bình quân: 8.915.000 đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

- Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Hiệu quả - Phát triển”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp suy tôn và khen thưởng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao do các cấp tổ chức

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCN theo quy định.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; khám sức khỏe định kỳ lần 1 cho toàn bộ CBCN theo quy định; khám lần 2 cho đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức cho CBCNV sức khỏe yếu được đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị theo quy định của TKV.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương**

- Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo ĐTM đã được phê duyệt có sự giám sát của chính quyền địa phương. Tần suất quan trắc môi trường 04 lần/năm với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ năm 2021 tại Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin được Công ty CP tin học CN Môi trường - Vinacomin thực hiện, các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN.

- Hằng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ Chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường, tưới nước dập bụi các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

00  
 CỘ  
 CỘ  
 AN  
 VIN  
 /P



- Quản lý và vận hành có hiệu quả Trạm rửa xe tự động các tuyến đường dân sinh, Trạm xử lý nước thải đảm bảo các quy chuẩn đề ra.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty trong năm trên 29 tỷ đồng.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

##### **a) Xử lý nước thải công nghiệp**

- Công ty phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, giám sát Công ty TNHH 1 TV Môi trường - TKV trong công tác duy trì vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu đảm bảo chất lượng nước xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo QCVN 40-2011/BTNMT.

- Khối lượng nước đã xử lý cho Công ty CP Than Cọc Sáu năm 2021: 7.150.192 m<sup>3</sup> giá trị xử lý: 15,5 tỷ đồng.

##### **b) Xử lý nước thải sinh hoạt**

- Công ty đã ký hợp đồng mua nước của công ty CP nước sạch Quảng Ninh - Xi nghiệp nước Cẩm phá phục vụ hoạt động sinh hoạt của công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua 03 modul trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại 03 điểm tại Công ty.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý tại 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau 03 trạm đạt qui chuẩn QCVN: 14-2008/BTNMT.

##### **c) Xử lý khí thải, bụi**

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu và sửa chữa các thiết bị máy mỏ hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì 10 xe Stec chở nước dung tích từ 12-20m<sup>3</sup> và cải hoán 04 xe HD 435-7 dung tích 35m<sup>3</sup> phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường Công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Hoàn thành đưa vào vận hành hệ thống lưới che chắn bụi khu vực Ga B với diện tích trên 900m<sup>2</sup>.

- Công ty đã chủ động gia công và lắp đặt 03 hệ thống nhà mái che tạo chụp chắn bụi tại 03 mặt ghi sàng 1 để ngăn ngừa bụi phát sinh phát tán từ quá trình đổ than chuyển tải. Cũng cố hệ thống phun sương tại các đầu máng, mặt ghi nhằm tăng hiệu quả dập bụi.

- Vận hành có hiệu quả 06 hệ thống phun sương dập bụi công suất lớn tại khu vực Sàng tuyển và bãi thải Đông Cao Sơn, khai thác tối đa năng lực 04 xe cải hoán HD-465 chở nước phục vụ tưới nước chống bụi khu vực khai trường đặc biệt là khu vực bãi thải Đông Cao Sơn.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực băng sàng.

##### **d) Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt**

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: sẫm lớp phế liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, bảo quản riêng tại kho vật tư và chuyển



giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng qui định. Khối lượng chất thải rắn đã xử lý: 586 tấn.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho công ty Môi trường đô thị Cẩm Phả vận chuyển xử lý theo qui định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý gần 26,3 tấn.

- Chất thải nguy hại và chất thải y tế: Được phân loại, thu gom lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho Công ty CPTM Hải Đăng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng qui định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại đã thuê xử lý trong năm 484 tấn.

- Tổng giá trị xử lý chất thải: 3,2 tỷ đồng.

#### **e) Quan trắc môi trường định kỳ**

- Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc dịch động bãi thải (Khe rè, Đông Cao Sơn, đập chắn số 04 Khe rè), quan trắc môi trường nhà điều hành, Trạm y tế công ty theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Tần suất quan trắc môi trường định kỳ, dịch động bãi thải: 04 lần/năm.

- Tần suất quan trắc môi trường nhà điều hành, trạm y tế: 02 lần/năm.

- Chi phí thực hiện trong năm: 863 triệu đồng

#### **f) Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường**

- Tổ chức hưởng ứng tết trồng cây xuân Tân Sửu 2021 Tổng số cây trồng 8.626 cây phi lao.

- Hoàn thành công tác trồng cây phục hồi môi trường các khu vực: Nam Quảng Lợi (mức +105, +120) với diện tích 1,189ha, tổng số cây trồng 11890 cây phi lao. Bãi thải Khe Rè (mức +130, +160, +175) với diện tích 5,2ha.

- Trồng cây phục hồi môi trường tại mức +300 phía Đông Bắc bãi thải Đông Cao Sơn với tổng diện tích 19,5ha.

- Trồng cây tạo cảnh quan môi trường, che chắn bụi tại 14 đơn vị công trường phân xưởng thuộc mặt bằng sản xuất +90 khu Đông Nam.

#### **g. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường**

- Công ty thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản lần 13 cho năm 2021 theo quyết định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường với giá trị: 3,497 tỷ đồng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Ninh xác nhận.

#### **h) Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư**

- Năm 2021, Công ty đã tổ chức phối hợp với công ty Môi trường TKV triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường hoàn thành trước mùa mưa bão và không có sự cố xảy ra trong mùa mưa bão liên quan đến khu dân cư.

#### **i) Đảm bảo an toàn khu vực bãi thải Đông Cao Sơn**

- Tổ chức duy trì vận hành ổn định và có hiệu quả tuyến đê chắn chân bãi thải Đông Cao Sơn và hệ thống đập số 1,2 khu vực đổ thải H10 Mông Dương đã được đầu tư từ năm 2015 và 2016, trong năm không để xảy ra sự cố.

02  
TỶ  
ÁN  
SA  
MIN  
QUA



### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a) Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ

- Trong năm Công ty đã chỉ đạo, thực hiện cơ bản hoàn được các phương án khai thác trọng điểm theo mục tiêu đề ra; cơ bản hoàn thành kế hoạch hạ moong 2020 - 2021, triển khai kế hoạch hạ moong năm 2022.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác cơ bản thực hiện đảm bảo theo đúng quy định; đã tập trung cải thiện các điều kiện khai thác, điều kiện làm việc; trong đó đã tập trung bóc đất, giảm tải tại các khu vực trọng tâm, mở diện khai thác than khu vực moong. Các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ năm 2021 cơ bản đạt so với kế hoạch điều chỉnh.

- Triển khai thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật công nghệ, thoát nước theo "Phương án trình tự khai thác hợp lý 3 mỏ".

- Công tác điều hành sản xuất: Cơ bản thực hiện theo đúng các quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. Trong năm đã triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động.

- Tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch; thực hiện phương án tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng tập trung một phần cấp 250h, 500h theo quy trình tập trung tại các PXVT. Tăng cường ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong SXKD: Công ty quản lý, theo dõi sử dụng, phát huy hiệu quả các hệ thống GPS, cảm biến nhiên liệu, camera; tự động hóa khâu bơm nước moong và hệ thống bơm nước đập bụi trên khai trường.

- Công tác quản lý, mua bán vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất được thực hiện đúng theo các quy chế, quy định của Nhà nước, của Tập đoàn và Công ty.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo đúng kế hoạch; tổ chức khắc phục nhanh các vị trí, điều kiện sản xuất để sớm ổn định sản xuất sau các đợt mưa lớn. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên theo quy định.

##### b) Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động

- Công ty tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty; tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Công ty hiện còn 13 công trường, phân xưởng, 13 phòng quản lý; đảm bảo theo mô hình của Tập đoàn TKV.

- Triển khai các bước về tiếp tục triển khai Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin; Công ty đã phối hợp cùng Công ty Tư vấn và Công ty cổ phần Than Đèo Nai triển khai thực hiện một số công việc theo chương trình, kế hoạch tái cơ cấu 2 Công ty.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2021 Công ty giảm tuyệt đối được 105 lao động, tổng số lao động đến 31/12/2021 là 2.219 người (nữ 448).

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2021 đạt: 2.272 người, giảm 64 người so với kế hoạch.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và trả lương theo KPI tại các phòng ban trong Công ty.



- Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo quy định; rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2020-2025.

### **Công tác quản trị chi phí, kinh tế tài chính**

- Trong năm Công ty đã xây dựng và thực hiện phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thực tế sản xuất và tiêu thụ.

- Tổ chức giao khoán chi phí năm 2021 cho các bộ phận, đơn vị trong Công ty; đánh giá từng tháng, quý để đề ra các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản trị chi phí.

- Sửa đổi Điều lệ, chuyển đổi mã nghề kinh doanh và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty; rà soát, sửa đổi ban hành một số quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ; xây dựng và ban hành tạm thời “Tập định mức tiêu hao vật tư chủ yếu cho thiết bị cơ điện, vận tải trong nội bộ Công ty” áp dụng từ năm 2021.

- Tổ chức rà soát tiến độ thực hiện kế hoạch 5 năm 2020-2024 của Công ty.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 635.938 triệu đồng.

### **d) Công tác đời sống, xã hội**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; tạo đủ việc làm, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBCN; triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của các cấp, năm 2021 Công ty không có trường hợp CBCN nào là F0.

- Tổ chức phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Phát triển - Hiệu quả”. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền; duy trì các phong trào văn hóa, thể thao.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 2.050 triệu đồng.

### **e) Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLĐ**

- Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ; bổ sung các biện pháp trong công tác bảo vệ than đầu nguồn và tiêu thụ than. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt nhiều biện pháp về công tác An toàn - VSLĐ đạt được kết quả theo mục tiêu đề ra. Năm 2021, Công ty không xảy ra tai nạn lao động và sự cố thiết bị nghiêm trọng.

## **2. Tình hình tài chính, quản trị chi phí, quản lý kinh tế**

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thời tiết và tình hình tiêu thụ.

- Thực hiện công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; giảm khối lượng công nghệ phục vụ và công việc phát sinh ngoài kế hoạch nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh.



- Ban hành và thực hiện bộ định mức năng suất thiết bị áp dụng trong Công ty; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương theo kế hoạch điều chỉnh năm. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước; bảo toàn vốn kinh doanh.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động để nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cân đối tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng, đảm bảo phục vụ sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

- Triển khai các dự án theo quy hoạch của TKV.

### **5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

Không có ý kiến của Kiểm toán.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2021, Công ty hoạt động hiệu quả, đúng pháp luật. Ban điều hành sáng tạo, đã tạo ra những bước đột phá mới trong quản lý, điều hành đạt năng suất lao động, năng suất thiết bị, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Tư tưởng cán bộ CNVC - LD ổn định và đã chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Đội ngũ cán bộ quản lý đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm và chủ động thực hiện, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao trong quản lý và điều hành. Công nhân lao động đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tận dụng tối đa thời gian làm việc để nâng cao giờ lao động làm ra sản phẩm. Những kết quả nêu trên của Tập thể CBCNV - LD Công ty đã góp phần quan trọng đưa Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành Kế hoạch SXKD. Bảo toàn và phát triển được nguồn vốn kinh doanh.

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn điều kiện khai thác. Điều hành sản xuất kinh doanh an toàn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 với tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 37.609 triệu đồng, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

### **3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT**

Năm 2022 dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức mới: Điều kiện khai thác và khai trường sản xuất của Công ty ngày càng khó khăn, đầy mong tiếp xuống sâu hơn, độ



cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn, địa chất phức tạp, tài nguyên khó khăn; tình hình thời tiết diễn biến khó lường; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19... Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

1. Tập trung hoàn thiện sớm Kế hoạch 5 năm 2020-2024 điều chỉnh của Công ty. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025 đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; rà soát, tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Triển khai thực hiện Phương án Tái cơ cấu Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin ngay sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để bảo đảm cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động; tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất.

5. Cân đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2022. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh và quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ than Cọc Sáu - Công ty cổ phần than Cọc Sáu - TKV. Thực hiện các bước để bàn giao cụm dân cư khu bãi biển 10/10 theo quy định.

6. Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.

7. Triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, giữ ổn định sản xuất.

8. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

9. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **a) Thành viên, cơ cấu HĐQT**

1. Ông Phạm Công Hương    Chủ tịch HĐQT (không điều hành)
2. Ông Nguyễn Văn Thuận    Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;
3. Ông Nguyễn Văn Tứ        Thành viên HĐQT (không điều hành);
4. Ông Nguyễn Tấn Long      Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty;
5. Ông Trần Đức Kha, Thành viên HĐQT, Phó BT Đảng ủy Công ty (không điều hành).

Trong 05 thành viên HĐQT có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành Công ty



và 03 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, HĐQT đã vận dụng linh hoạt các hình thức được quy định trong luật doanh nghiệp và trong điều lệ Công ty, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

HĐQT đã thống nhất Nghị quyết mô hình tổ chức sản xuất tổ chức bộ máy điều hành Công ty với quy mô hợp lý, phát huy được sự chủ động sáng tạo và sự liên kết phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận.

HĐQT đã ban hành các qui chế, qui định, quyết định phục vụ việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

#### **b) Các tiểu ban thuộc HĐQT**

Các phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng luật pháp, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

#### **c) Hoạt động của HĐQT**

Năm 2021, HĐQT Công ty đã họp 24 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, ban hành 143 văn bản theo thẩm quyền (trong đó gồm 52 Nghị quyết và 91 quyết định, văn bản khác). HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2021, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021 theo kế hoạch điều chỉnh.

#### **d) Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập**

Trong HĐQT có 03 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành, các thành viên tham gia đầy đủ các phiên họp và được giao nhiệm vụ theo các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của mỗi người, cả 3 thành viên HĐQT không điều hành đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

### **2. Ban Kiểm soát**

#### **a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin gồm 03 thành viên và hoạt động độc lập và kiêm nhiệm.

- |                            |                                       |
|----------------------------|---------------------------------------|
| 1- Ông Nguyễn Văn Hùng     | - Trưởng ban (đến hết ngày 21/4/2021) |
| 2- Bà Nguyễn thị Lương Anh | - Trưởng ban (từ ngày 22/4/2021)      |
| 3- Bà Trần Thị Diệp        | - Thành viên (kiêm nhiệm);            |
| 4- Bà Vũ Thiện Thành       | - Thành viên (kiêm nhiệm).            |

100  
3 T  
H A  
O C  
30  
-T.C



### b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, qui định do HĐQT ban hành.

Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được qui định trong điều lệ của Công ty.

### 3. Thu nhập của các TV HĐQT, Ban kiểm soát, người quản lý Công ty

#### a) Lương, thưởng, thù lao năm 2021

STT	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị và viên chức quản lý	1.911.666.000	271.920.000
2	Ban kiểm soát	123.979.000	141.760.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.035.645.000</b>	<b>413.680.000</b>

#### b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do (tăng, giảm)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Đức Kha		2.667	0,0082	0	0	Bán CP
2	Trần Đức Hanh	Em ruột ông Trần Đức Kha, Thành viên HĐQT	2.320	0,0071	0	0	Bán CP
3	Vũ Ngọc Thán	Bố đẻ bà Vũ Thiện thành, Thành viên BKS	4.177	0,0128	0	0	Bán CP
4	Nguyễn Trung Thành		2020	0,0062	0	0	Bán CP
5	Nguyễn Hồng Thanh	Anh ruột ông Nguyễn Trung Thành, Người được ủy quyền CBTT	3945	0,0121	0	0	Bán CP

#### c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (có phụ lục số 01 kèm theo)

#### d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2021, Công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NP-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.



Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của Kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định.

Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: [www.Cocsau.com/](http://www.Cocsau.com/).

Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin trân trọng báo cáo./.

#### Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN (b/c);
- HĐQT, BKS, Ban GD (e-copy);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KTTT (Ng,H 04).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuận





**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số: 12/4 /BC-TCS, ngày 30 tháng 3 năm 2022)

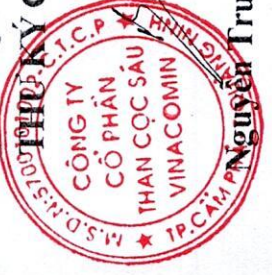
STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). Các Công ty trực thuộc gồm: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; - Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacommin.	Cổ đông lớn	Mã số DN 5700100256 Sở KH và ĐT Hà Nội	Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Hàng năm	Điều lệ TKV	Hợp đồng PHKD: HĐ nguyên tắc gồm: Mua bán than và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh	- TKV nắm giữ 65% vốn điều lệ của Công ty. - Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất.
2	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	Ông Phạm Công Hương Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV là Chủ tịch HĐQT Công ty	Mã số DN 5700100425 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 14/02/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacommin	Hợp đồng về lĩnh vực môi trường, xử lý nước thải và các lĩnh vực phục vụ SXKD Giá trị 26.426.786.802đ	
3	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacommin	Ông Phạm Công Hương Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vinacommin là Chủ tịch HĐQT Công ty	Mã số DN 5700101637 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Hà Lâm, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Điều lệ Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacommin	Hợp đồng mua/bán vật tư và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Giá trị 270.000.000đ	
4	Công ty cổ phần Chế tạo Máy - Vinacommin	Ông Nguyễn Văn Từ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Máy - Vinacommin là Thành viên HĐQT Công ty	Mã số DN 5700101203 Sở KH và ĐT Quảng Ninh	Phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 14/02/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacommin	Hợp đồng sửa chữa tài sản cố định, thiết bị cơ điện; hợp đồng mua/bán vật tư và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Giá trị 2.543.552.590đ	



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
5	Công ty cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacommin	Ông Nguyễn Văn Từ Thành viên HĐQT cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacommin là Thành viên HĐQT Công ty	Mã số DN 570088996 Số KH và ĐT Quảng Ninh	Số 108, Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 14/02/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sấu - Vinacommin	Hợp đồng mua/bán vật tư, hợp đồng sửa chữa phụ tùng và các lĩnh vực phục vụ sản xuất kinh doanh Giá trị 3.172.348.420đ	
6	Công ty cổ phần Cơ khí ô tô Ưông Bí	Ông Nguyễn Văn Từ Thành viên HĐQT cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacommin là Thành viên HĐQT Công ty	Mã số DN 5700623552 Số KH và ĐT Quảng Ninh	Phường, Phường Đông, TP Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Điều lệ Công ty cổ phần Than Cọc Sấu - Vinacommin	Hợp đồng sửa chữa tài sản cố định, thiết bị vận tải; mua/bán vật tư và các lĩnh vực phục vụ SXKD Giá trị 4.492.500.633đ	
7	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacommin - Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacommin - Chi nhánh Văn Long	Bà Nguyễn Thị Lương Anh Thành viên BKS Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacommin là Trưởng Ban kiểm Công ty	Mã số DN 0100101298 Số KH và ĐT Hà Nội	Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT ngày 05/05/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Than Cọc Sấu - Vinacommin	Hợp đồng mua/bán vật tư, hợp đồng thuê ngoài dịch vụ phục vụ bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại cho NLD và các lĩnh vực phục vụ SXKD. Giá trị 86.120.841.929đ	

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

THỊ KHÝ CÔNG TY



Nguyễn Trung Thành